

# NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ

Trần Thị Mai Hoa

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: Hoatm@neu.edu.vn

Ngày nhận: 01/6/2020

Ngày nhận bản sửa: 26/7/2020

Ngày duyệt đăng: 05/8/2020

## Tóm tắt:

Nghiên cứu đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư phát triển các khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Nghiên cứu sử dụng phương pháp ước lượng bình phương nhỏ nhất. Số liệu được sử dụng trong nghiên cứu là số liệu sơ cấp và thứ cấp. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 nhân tố chính ảnh hưởng đến đầu tư phát triển bền vững các khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là: quy hoạch phát triển khu công nghiệp, chính sách ưu đãi đầu tư phát triển khu công nghiệp, vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, hoạt động xúc tiến đầu tư vào khu công nghiệp, và chất lượng nguồn nhân lực. Dựa trên các kết quả phân tích, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm tăng hiệu quả đầu tư phát triển bền vững các khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ trong thời gian tới.

**Từ Khóa:** Khu công nghiệp, Đầu tư phát triển khu công nghiệp, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

**Mã JEL:** E22, L00

## Factors influencing investment for industrial zones development in Northern Vietnam key economic region

### Abstract:

The study is conducted to investigate the determinants influencing investment for industrial zones sustainable development in Northern Vietnam Key Economic Region. The study used estimates method of ordinary least squares. The metrics employed in this research is primary and secondary data. The results showed that there were main five factors influencing investment for industrial zones sustainable development in Northern Vietnam Key Economic Region: industrial zones development planning, investment incentives, infrastructure investment capital, investment promotion activities, quality of human resources. Based on the findings, some recommendations are proposed for increasing investment efficiency for industrial zones sustainable development in Northern Vietnam Key Economic Region in the futher future.

**Keywords:** Industrial zones, investment for industrial zones development, Northern Vietnam Key Economic Region, industrial zone infrastructure

**JEL Code:** E22, L00

## 1. Đặt vấn đề

Bước vào những thập niên đầu tiên của thế kỷ 21, kinh tế thế giới có những chuyển biến nhanh chóng do tác động của cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Tình hình đó đã đặt Việt Nam trước những thách thức mới cũng như những cơ hội mới trong hoạt động thu hút vốn đầu tư cho sản xuất và khoa

học công nghệ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia.

Học tập kinh nghiệm của các nước công nghiệp phát triển đi trước, Việt Nam đã xây dựng mô hình khu công nghiệp nhằm tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi với kết cấu hạ tầng đồng bộ, cơ chế quản lý thông thoáng, ưu đãi đầu tư hấp dẫn để thu hút

đầu tư theo định hướng và quy hoạch đã đề ra.

Căn cứ vào điều kiện địa lý, các khu công nghiệp trên phạm vi cả nước được phân chia theo 4 vùng kinh tế trọng điểm: Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng kinh tế trọng điểm Trung Bộ và vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long. Tùy theo điều kiện địa lý, đặc điểm kinh tế - xã hội và lợi thế sẵn có mà từng vùng có định hướng phát triển khu công nghiệp phù hợp riêng. Qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, mô hình khu công nghiệp, khu chế xuất, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đã thu được những thành tựu to lớn về nhiều mặt như: góp phần quan trọng trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết công ăn việc làm... Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, trong những năm qua hoạt động đầu tư phát triển các khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ vẫn còn tồn tại một số vấn đề như quy hoạch đầu tư phát triển các khu công nghiệp chưa đồng bộ, vốn đầu tư cho kết cấu hạ tầng khu công nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển, tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp còn thấp, liên kết kinh tế trong khu công nghiệp còn yếu, đầu tư phát triển nguồn nhân lực và môi trường khu công nghiệp còn yếu. Những vấn đề này đã và đang làm cản trở kết quả hoạt động của các khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ nói riêng và sự phát triển kinh tế toàn vùng nói chung. Bên cạnh đó, các thoả thuận trong hiệp định thương mại tự do mới và sự cạnh tranh gay gắt trong thu hút vốn đầu tư giữa các quốc gia trong khu vực và giữa các tỉnh, vùng trong cả nước đã đặt ra một bài toán là làm thế nào để đầu tư phát triển các khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đúng hướng, đạt kết quả cao và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của từng tỉnh, thành phố và toàn vùng.

Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư phát triển các khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, để từ đó làm căn cứ đề xuất các khuyến nghị phù hợp.

## **2. Cơ sở lý luận**

### **2.1. Các lý thuyết về phát triển khu công nghiệp**

Khu công nghiệp (Industrial Zone) là một kiểu tổ chức lãnh thổ công nghiệp ra đời từ cuối thế kỷ

19, đầu thế kỷ 20 ở một số nước tư bản phát triển như Anh, Mỹ, Italia. Các nước tư bản cho rằng để thực hiện được mục tiêu “tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá chi phí” thì việc phân bố và hình thành khu công nghiệp phải tập trung vào một khu vực nhất định. Điều này đã được lý giải trong lý thuyết tích tụ cổ điển của Marshall. Theo Marshall (1890), tích tụ phát sinh từ ba vấn đề là: (1) Sự sẵn có của thị trường lao động có kỹ năng chuyên môn; (2) Sự sẵn có của nguyên liệu đầu vào và các dịch vụ chuyên ngành; (3) Lan truyền công nghệ. Hoặc trong lý thuyết định vị công nghiệp (1909), Weber đã chỉ ra những ưu điểm hay còn gọi là “lợi ích ngoại ứng” của việc tập trung các doanh nghiệp công nghiệp tại một địa điểm hay chính là mô hình khu công nghiệp. Các lợi ích ngoại ứng xuất hiện khi các doanh nghiệp có thể chia sẻ gánh nặng sử dụng chung hệ thống kết cấu hạ tầng, hỗ trợ lẫn nhau trong mọi hoạt động vì thế tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Lý thuyết định vị công nghiệp được vận dụng trong việc lựa chọn các khu vực trọng điểm cho phát triển, đó là các khu vực hội tụ được nhiều yếu tố thuận lợi cho phát triển như: quy hoạch kết cấu hạ tầng đồng bộ, vị trí địa lý thuận lợi, ưu đãi đầu tư tốt.

Từ các lý thuyết này có thể thấy muốn đầu tư phát triển các khu công nghiệp phải đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp đồng bộ nơi mà các doanh nghiệp công nghiệp có thể chia sẻ để tiết kiệm chi phí và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút được các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất hoặc dịch vụ trong khu công nghiệp.

Đầu tư phát triển khu công nghiệp bị ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố và được nhiều nghiên cứu phân tích, tiếp cận theo các cách khác nhau như:

- *Đối với đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp*, theo nghiên cứu của Hollander & cộng sự (2009) và Zhang (2016) đã chỉ ra để đầu tư phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hiệu quả trước tiên phải chú trọng đến công tác quy hoạch khu công nghiệp, và vị trí xây dựng khu công nghiệp. Một khu công nghiệp có quy hoạch và vị trí tốt sẽ thu hút được nhiều vốn đầu tư vào phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp hơn. Vũ Đình Khoa (2015) nghiên cứu có 5 nhân tố ảnh hưởng đến việc hình thành cụm ngành công nghiệp điện tử đó là: Cơ sở hạ tầng, tiếp cận tài

chính, môi trường đầu tư kinh doanh, cơ sở nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, môi trường sống cho nhà đầu tư. Trong đó môi trường đầu tư và cơ sở hạ tầng là hai nhân tố có tác động cùng chiều và mạnh nhất đến việc hình thành cụm ngành công nghiệp điện tử tại vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ với giá trị Beta lần lượt là 0,395 và 0,199.

- Đối với thu hút vốn đầu tư vào phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp, theo nghiên cứu của Lin & Tzeng (2009), Ông và cộng sự đã phân tích 4 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa điểm bỏ vốn đầu tư vào các khu công nghiệp là: năng lực công nghệ, nguồn nhân lực, môi trường đầu tư trong đó có kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và mức độ phát triển của thị trường. Kết quả nghiên cứu chỉ ra các khu công nghiệp có kết cấu hạ tầng đồng bộ, thuận lợi sẽ hấp dẫn các nhà đầu tư hơn. Hay theo nghiên cứu của Sonobe & Otsuka (2011), khu công nghiệp được hình thành và thu hút được nhiều vốn đầu tư nếu khu vực đặt khu công nghiệp có thị trường lao động dồi dào, nguồn lao động có chất lượng; các doanh nghiệp khi tham gia vào khu công nghiệp có chi phí vận tải được cắt, giảm; các doanh nghiệp khi

tham gia vào khu công nghiệp được chia sẻ thông tin, đầu vào. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng nhân tố thị trường lao động dồi dào và doanh nghiệp khi tham gia khu công nghiệp được chia sẻ đầu vào tác động nhiều nhất đến việc ra nhập và bỏ vốn vào khu công nghiệp. Trong bài báo nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, Nguyễn Minh Hà & Nguyễn Duy Khương (2015) chỉ ra có 5 nhân tố có tác động tích cực đến việc doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp đó là ngành đầu tư, diện tích đất của dự án, tổng vốn đầu tư của dự án, thị trường tiêu thụ sản phẩm và nguồn lực lao động tại thời điểm thực hiện dự án.

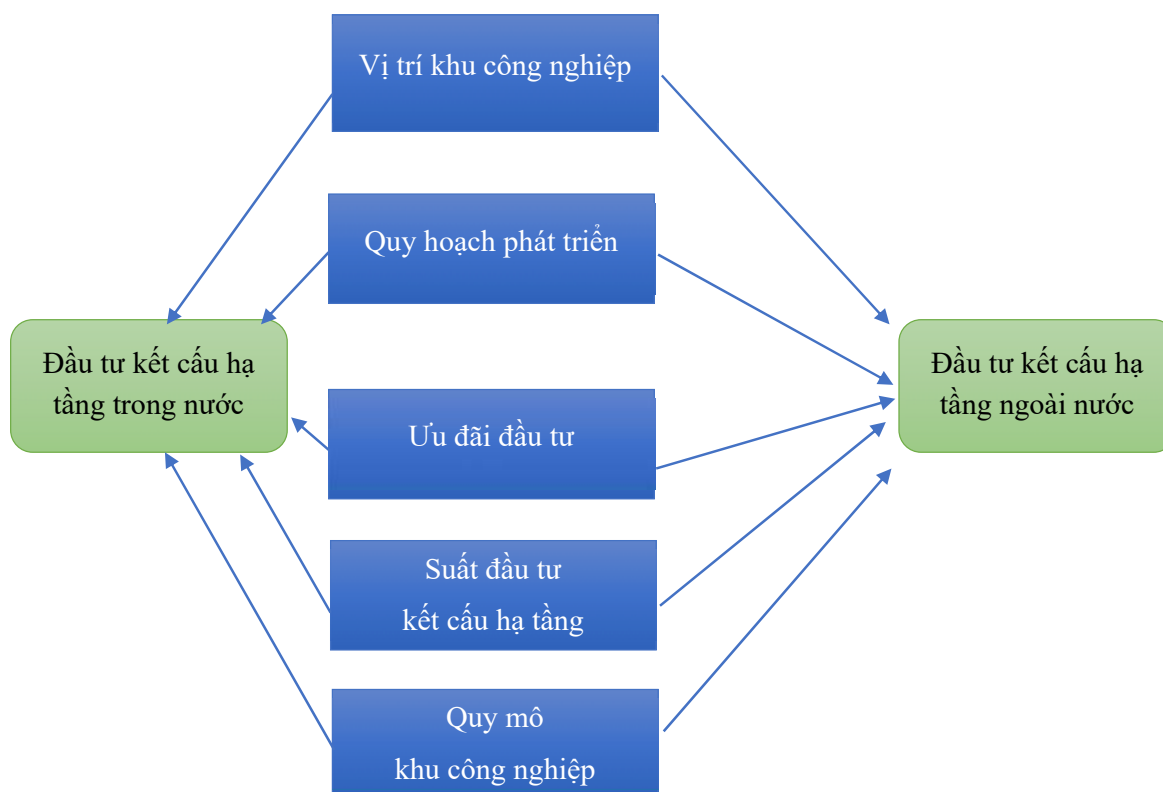
## 2.2. Mô hình nghiên cứu

### 2.2.1. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

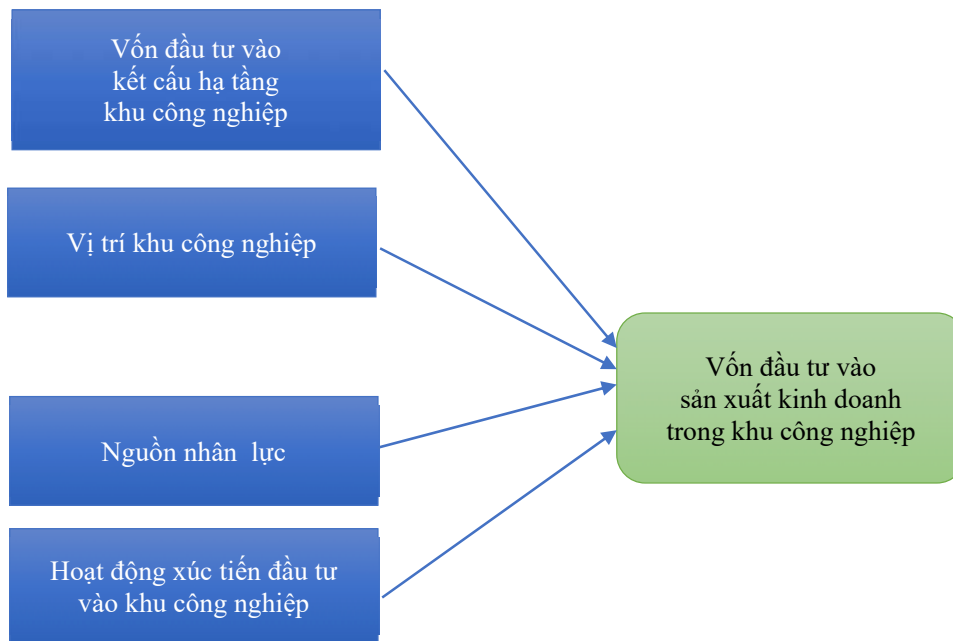
Từ lý luận và thực nghiệm, để phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, nghiên cứu sử dụng mô hình phân tích như trình bày tại Hình 1.

Nghiên cứu ước lượng bằng phương pháp bình

**Hình 1: Mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp**



**Hình 2: Mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp**



phương nhỏ nhất (OLS) để thu thập các hệ số ước lượng. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến qui mô vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp của các nhà đầu tư được xác định như sau:

$$\text{LnKCHT}_i = \alpha_0 + \alpha_1 \text{LnS}_i + \alpha_2 \text{VT}_i + \alpha_3 \text{QH}_i + \alpha_4 \text{UD}_i + \alpha_5 \text{SDT}_i + e_i \quad (1)$$

Trong đó:

- $\alpha$  là các tham số cần ước lượng;
- Ln KCHT: Logarit cơ số e của giá trị đầu tư vào kết cấu hạ tầng khu công nghiệp của nhà đầu tư nước ngoài hoặc của nhà đầu tư trong nước, biến lần lượt là LnKCHT\_NN và LnKCHT\_trongnuoc;
- LnS: Logarit cơ số e của qui mô khu công nghiệp;
- VT: Biến vị trí của khu công nghiệp, nhận giá trị bằng 1 nếu được đánh giá là thuận lợi; bằng 0 trường hợp khác. Để xác định được biến số này, nghiên cứu sử dụng câu hỏi phỏng vấn các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp về vị trí khu công nghiệp;
- QH: Biến quy hoạch, nhận giá trị bằng 1 nếu được đánh giá là quy hoạch đồng bộ và doanh nghiệp có thông tin cụ thể về quy hoạch; bằng 0 trường hợp khác. Để xác định được biến số này, nghiên cứu sử dụng câu hỏi phỏng vấn các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp về quy

hoạch phát triển khu công nghiệp;

- UD: Biến xác định khu công nghiệp có chính sách ưu đãi đầu tư hấp dẫn hay không, nhận giá trị bằng 1 nếu có chính sách ưu đãi đầu tư hấp dẫn, bằng 0 trường hợp còn lại. Để xác định được biến số này, nghiên cứu sử dụng câu hỏi phỏng vấn các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp về ưu đãi đầu tư cho khu công nghiệp;

- SDT: Suất đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, nhận giá trị bằng 1 nếu được đánh giá là suất đầu tư thấp và; bằng 0 trường hợp bị đánh giá là suất đầu tư cao. Để xác định được biến số này, nghiên cứu sử dụng câu hỏi phỏng vấn các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp về suất đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

### 2.2.2. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp

Từ lý luận và thực tiễn, để phân tích ảnh hưởng của một số nhân tố đến thu hút vốn đầu tư phát triển vào khu công nghiệp, nghiên cứu sử dụng mô hình phân tích như trình bày tại Hình 2.

Để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư vào phát triển sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, nghiên cứu ước lượng mô hình có dạng sau:

**Bảng 1: Cơ cấu mẫu điều tra doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp phân theo tỉnh**

Tỉnh	Số khu công nghiệp thành lập	Số khu công nghiệp đang hoạt động	Số phiếu phát ra/khu công nghiệp	Tổng số phiếu phát ra
1. Bắc Ninh	14	10	4	40
2. Hà Nội	12	8	4	32
3. Hải Dương	10	8	3	24
4. Hải Phòng	4	3	3	9
5. Hưng Yên	10	5	3	15
6. Quảng Ninh	8	4	3	12
7. Vĩnh Phúc	12	6	3	18
<b>Tổng</b>	<b>70</b>	<b>44</b>		<b>150</b>

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu thu thập.

$$\text{LnKpt}_i = \beta_0 + \beta_1 \text{LnKCHT}_i + \beta_2 \text{VT}_i + \beta_3 \text{NL}_i + \beta_4 \text{XTĐT}_i + e_i \quad (2)$$

Trong đó:

- $\beta$ : Là các tham số cần ước lượng;
- LnKpt: là logarit cơ số e của vốn đầu tư thực hiện được thu hút vào khu công nghiệp;
- LnKCHT: là logarit cơ số e của vốn đầu tư vào kết cấu hạ tầng khu công nghiệp;
- VT: là biến vị trí của khu công nghiệp, nhận giá trị bằng 1 nếu được đánh giá là thuận lợi; bằng 0 trường hợp khác;
- NL: là biến nguồn nhân lực phục vụ khu công nghiệp, nhận giá trị bằng 1 nếu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu; bằng 0 trường hợp khác;
- XTĐT: là biến xúc tiến đầu tư vào khu công

nghiệp, nhận giá trị bằng 1 nếu được đánh giá là tốt; bằng 0 trường hợp khác;

- e: là sai số ngẫu nhiên.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Mẫu nghiên cứu

Đối với khảo sát về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp: nghiên cứu phát phiếu khảo sát toàn bộ các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn 7 tỉnh (gồm 70 doanh nghiệp). Như vậy trong phần nghiên cứu này, mẫu đại diện 100% tổng thể.

Đối với khảo sát về đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Theo Black (1998), trong phân tích hồi quy đa biến cỡ mẫu tối thiểu cần xác định theo công thức sau:  $50 + 5 \cdot \text{số biến độc lập}$

**Bảng 2: Cơ cấu mẫu điều tra doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp phân theo loại hình doanh nghiệp**

Tỉnh	Số phiếu phát ra		Doanh nghiệp lớn		Doanh nghiệp vừa và nhỏ	
	Số phiếu	%	Số DN	%	Số DN	%
1. Bắc Ninh	40	100	20	50	20	50
2. Hà Nội	32	100	16	50	16	50
3. Hải Dương	24	100	8	33,33	16	66,67
4. Hải Phòng	9	100	3	33,33	6	66,67
5. Hưng Yên	15	100	5	33,33	10	66,67
6. Quảng Ninh	12	100	4	33,33	8	66,67
7. Vĩnh Phúc	18	100	6	33,33	12	66,67
<b>Tổng</b>	<b>150</b>	<b>100</b>	<b>62</b>	<b>41,33</b>	<b>88</b>	<b>58,67</b>

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu thu thập.



**Bảng 3. Mô tả thống kê các biến sử dụng trong mô hình 1**

Variable	Mô tả	Đơn vị	Obs	Mean	Std. Dev.	Min	Max
LnKCHT_trongnuoc	Logarit của đầu tư cơ sở hạ tầng trong nước	Tỷ VND	70	5,553	1,156	2,177	7,46
LnKCHT_nngoai	Logarit của đầu tư cơ sở hạ tầng ngoài nước	Triệu USD	70	3,935	1,699	-1,715	6,963
lnS	Logarit của diện tích đất tự nhiên	Ha	70	5,227	0,759	3,077	6,524
VT	Biến giả về vị trí, biến giả bằng 1 nếu được đánh giá thuận lợi, bằng 0 trường hợp còn lại	Không áp dụng	70	0,749	0,434	0	1
QH	Biến giả về quy hoạch, biến giả bằng 1 nếu được đánh giá tốt, bằng 0 trường hợp còn lại	Không áp dụng	70	0,532	0,409	0	1
UD	Biến giả về ưu đãi, biến giả bằng 1 nếu được đánh giá hấp dẫn, bằng 0 trường hợp còn lại	Không áp dụng	70	0,227	0,420	0	1
SDT	Suất đầu tư, biến giả bằng 1 nếu được đánh giá thấp, bằng 0 trường hợp còn lại	Không áp dụng	70	0,493	0,020	0	1

*Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu thu thập.*

trong mô hình nghiên cứu. Do mô hình sử dụng 4 biến độc lập, nên nghiên cứu xác định được cỡ mẫu cần thực hiện tối thiểu là  $50+5*4=70$ . Do hạn chế về thời gian và nguồn lực, cỡ mẫu cuối cùng nghiên cứu sử dụng đưa vào khảo sát là 150 doanh nghiệp tại 44 khu công nghiệp đang hoạt động trên tổng số 70 khu công nghiệp được thành lập. Cơ cấu điều tra được phân chia như tại Bảng 1 và Bảng 2.

Các doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ chủ yếu là các doanh nghiệp dệt may, giày da, chế biến thực phẩm và sản xuất các linh kiện điện tử. Các doanh nghiệp dệt may, giày da, chế biến thực phẩm thường là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các doanh nghiệp sản xuất linh kiện điện tử thường là các doanh nghiệp lớn.

### 3.2. Phương pháp ước lượng

Do mẫu khảo sát thu thập cho năm 2018, dữ liệu có dạng bảng chéo nên nghiên cứu ước lượng mô hình bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS) để có được các hệ số ảnh hưởng của các biến số độc lập lên biến phụ thuộc.

Một số kiểm định được sử dụng trong mô hình như: đa cộng tuyến, phương sai sai số không đổi, kiểm định dạng hàm nhằm nhận biết những hạn chế

(nếu có của mô hình).

## 4. Kết quả nghiên cứu

### 4.1. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

#### 4.1.1. Mô tả thống kê các biến

Từ các số liệu thu thập được thông qua điều tra, khảo sát các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp của 70 khu công nghiệp trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, tác giả tổng hợp được bảng thống kê mô tả về đặc điểm của mẫu điều tra thông qua Bảng 3.

Bảng 3 cho thấy, số quan sát là 70, ứng với 70 doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng của 70 khu công nghiệp trong năm 2018.

Với giá trị trung bình của LnKCHT trong nước là 5,553 tương đương với giá trị đầu tư kết cấu hạ tầng bình quân là 258 tỷ VND, khu công nghiệp có mức đầu tư thấp nhất là 8,82 tỷ (giá trị logarit là 2,177) và cao nhất là 1.737 tỷ VND (giá trị logarit là 7,46).

Giá trị đầu tư kết cấu hạ tầng từ vốn nước ngoài trung bình là 51,6 triệu USD, thấp nhất là 0,18 triệu USD và cao nhất là 1.057 triệu USD.

Đánh giá về vị trí khu công nghiệp: trong 70

**Bảng 4: Kết quả ước lượng các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp**

VARIABLES	MH 1	MH 2
	lncsht ngoai	lncsht trongnuoc
lnS	0,532*** (0,171)	0,520*** (0,107)
VT	0,719** (0,317)	0,794*** (0,196)
QH	0,880** (0,345)	0,425* (0,247)
UD	0,671** (0,321)	0,436* (0,243)
SDT	-0,641* (0,344)	-0,424*** (0,156)
Constant	-0,00310 (0,800)	2,176*** (0,591)
Observations	70	70
R-squared	0.310	0.309

Standard errors in parentheses

\*\*\* p<0.01, \*\* p<0.05, \* p<0.1

doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được khảo sát thì 74,9% đánh giá khu công nghiệp có vị trí thuận lợi.

Đánh giá về Quy hoạch: trong 70 doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được khảo sát, có 53,2% đánh giá khu công nghiệp được quy hoạch tốt, đồng bộ.

Đánh giá về ưu đãi đầu tư: trong 70 doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được khảo sát chỉ có 22,7% đánh giá ưu đãi đầu tư đối với xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp là hấp dẫn.

Đánh giá về suất đầu tư: trong 70 doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được khảo sát, có 49,3% đánh giá rằng suất đầu tư hợp lý.

*4.1.2. Kết quả ước lượng các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp*

Sau khi kiểm định mô hình bằng phương pháp OLS. Kết quả cuối cùng được trình bày tại Bảng 4.

Từ Bảng 4, ta có kết quả của mô hình như sau:

- Đối với thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ:  $\ln KCHTi = -0,0031 + 0,532 * \ln Si + 0,719 * VTi + 0,88 * QHi + 0,671 * UDi - 0,641 * SDTi + e_i$

- Đối với thu hút vốn đầu tư trong nước vào phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ:  $\ln KCHTi = 2,176 + 0,52 * \ln Si + 0,794 * VTi + 0,425 * QHi + 0,436 * UDi - 0,424 * SDTi + e_i$

*4.2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp*

*4.2.1. Mô tả thống kê các biến*

Bảng 5 trên cho thấy, số quan sát là 110, ứng với 110 doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp được khảo sát. Với giá trị trung bình của  $\ln Kpt$  là 5,728 tương đương với giá trị vốn đầu tư thu hút được cho phát triển SXKD trong khu công nghiệp bình quân là 307 tỷ VND, doanh nghiệp có mức đầu tư thấp nhất là 300 triệu VND (giá trị logarit là -1,204) và cao nhất là 12.558 tỷ VND (giá trị logarit là 9,43).

Giá trị trung bình của  $\ln kcht$  bằng 2,74 tương đương với giá trị đầu tư kết cấu hạ tầng trung bình là 15,4 tỷ VND.

Đánh giá về vị trí: trong 110 doanh nghiệp được khảo sát thì 87,5% đánh giá khu công nghiệp có vị trí tốt.

Đánh giá về nguồn nhân lực: trong 110 doanh

**Bảng 5. Mô tả thống kê các biến sử dụng trong mô hình 2**

Variable	Mô tả	Đơn vị	Obs	Mean	Std. Dev.	Min	Max
lnKpt	Logarit của đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh	Tỷ VND	110	5,728	2,070	-1,204	9,438
Lnkcht	Logarit của đầu tư kết cấu hạ tầng	Tỷ VND	110	2,740	3,962	-3.842	7.172
VT	Biến vị trí, biến giả bằng 1 nếu được đánh giá tốt, bằng 0 trường hợp còn lại	Không áp dụng	110	0,875	0,332	0,000	1,000
NL	Biến nguồn nhân lực, biến giả bằng 1 nếu được đánh giá tốt, bằng 0 trường hợp còn lại	Không áp dụng	110	0,530	0,208	0,000	1,000
XTDT	Biến xúc tiến đầu tư, biến giả bằng 1 nếu được đánh giá tốt, bằng 0 trường hợp còn lại	Không áp dụng	110	0,623	0,235	0,000	1,000

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu khảo sát.

ngành được khảo sát, chỉ có 53,0% doanh nghiệp đánh giá tốt về chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn, 47% doanh nghiệp cho rằng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.

Đánh giá về xúc tiến đầu tư: trong 110 doanh nghiệp được khảo sát có 62,3% doanh nghiệp cho rằng hoạt động xúc tiến đầu tư là tốt.

4.2.2. *Kết quả ước lượng các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp*

Sau khi kiểm định đa cộng tuyến, kiểm định dạng hàm, kiểm định phương sai của mô hình (kết quả

ước lượng cuối cùng của mô hình được thể hiện tại Bảng 6.

Từ Bảng 6, ta có kết quả của mô hình thu hút vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ như sau:

$$\ln Kpt_i = \alpha_0 + 0,702 \cdot VT_i + 0,715 \cdot NL_i + 0,713 \cdot XTDT_i + e_i$$

Kết quả ước lượng cho thấy hệ số  $R^2=0,439$  nghĩa là các biến độc lập trong mô hình giải thích được 43,9% sự thay đổi của biến phụ thuộc.

Các hệ số ước lượng có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 95% và 99%; dấu của hệ số ước lượng phù hợp

**Bảng 6: Kết quả ước lượng các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp**

VARIABLES	lnKpt
Lnkcht	0,344*** (0,0572)
VT	0,702** (0,354)
NL	0,715** (0,348)
XTDT	0,713* (0,380)
Constant	2,796*** (0,611)
Observations	110
R-squared	0,439

Robust standard errors in parentheses

\*\*\* p<0,01, \*\* p<0,05, \* p<0,1



với lý thuyết kinh tế.

## 5. Kết luận và đề xuất giải pháp

### 5.1. Kết luận

Thông qua kết quả phân tích định lượng các nhân tố, tác giả tổng kết lại có 5 nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư phát triển khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ là:

- *Thứ nhất là nhân tố quy hoạch phát triển khu công nghiệp.* Nhân tố quy hoạch tác động lớn đến việc thu hút vốn đầu tư vào phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Tuy nhiên, quy hoạch hạ tầng khu công nghiệp vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ còn chưa được tốt. Theo kết quả điều tra chỉ có 53,2% các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp đánh giá quy hoạch phát triển khu công nghiệp là đồng bộ. Bên cạnh đó theo kết quả của mô hình, giả sử các yếu tố khác không đổi, khu công nghiệp được đánh giá có quy hoạch đồng bộ, rõ ràng sẽ thu hút được vốn đầu tư cao hơn 88% so với khu công nghiệp được đánh giá là có quy hoạch không đồng bộ ( đối với nhà đầu tư nước ngoài) và 42,5% đối với nhà đầu tư trong nước.

- *Thứ hai là nhân tố chính sách ưu đãi đầu tư phát triển khu công nghiệp.* Kết quả nghiên cứu cho thấy, chính sách ưu đãi đầu tư của các khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ chưa thực sự hấp dẫn, đã làm giảm quy mô vốn được thu hút vào các khu công nghiệp. Theo kết quả khảo sát, chỉ có 22,7% các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp đánh giá chính sách ưu đãi đầu tư khu công nghiệp là tốt, còn lại 77,3% các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp đánh giá chính sách ưu đãi đầu tư khu công nghiệp là chưa hấp dẫn. Bên cạnh đó, theo kết quả của mô hình, giả sử các yếu tố khác không đổi, khu công nghiệp được đánh giá có chính sách ưu đãi đầu tư hấp dẫn sẽ thu hút vốn đầu tư kết cấu hạ tầng cao hơn so với khu công nghiệp không có chính sách ưu đãi tốt là 67,1% với nguồn vốn nước ngoài và 43,6% đối với nguồn vốn trong nước.

- *Thứ ba là nhân tố vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.* Nghiên cứu cho thấy việc bỏ vốn đầu tư vào phát triển một hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ ảnh hưởng mạnh đến thu hút vốn đầu tư vào phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp. Theo kết quả của mô hình, giả sử các yếu tố khác không đổi, vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp tăng 1% thì vốn đầu

tư thu hút vào sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp sẽ tăng 34,4%.

- *Thứ tư là nhân tố xúc tiến đầu tư.* Nghiên cứu cho thấy, hoạt động xúc tiến đầu tư để thu hút vốn vào khu công nghiệp còn yếu do đó ảnh hưởng đến quy mô vốn được thu hút vào các khu công nghiệp. Theo kết quả khảo sát chỉ có 62,3% các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp đánh giá hoạt động xúc tiến đầu tư vào khu công nghiệp tốt và theo kết quả của mô hình, giả sử các yếu tố khác không đổi, khu công nghiệp được đánh giá có hoạt động xúc tiến đầu tư tốt sẽ thu hút được vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh cao hơn 71,3 % so với khu công nghiệp được đánh giá là có hoạt động xúc tiến đầu tư không tốt.

- *Thứ năm là nhân tố nguồn nhân lực.* Nghiên cứu cho thấy, nguồn nhân lực cung ứng cho các doanh nghiệp hoạt động trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đạt chất lượng chưa tốt. Theo kết quả khảo sát chỉ có 53% các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp đánh giá chất lượng nhân lực phục vụ khu công nghiệp đạt yêu cầu và theo kết quả của mô hình, giả sử các yếu tố khác không đổi, khu công nghiệp được đánh giá có nguồn nhân lực đạt yêu cầu sẽ thu hút được vốn đầu tư cao hơn 71,5% so với khu công nghiệp được đánh giá là có nguồn nhân lực chất lượng kém.

### 5.2. Đề xuất giải pháp

Từ kết quả tìm ra ở trên, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển bền vững các khu công nghiệp ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ như sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đầu tư phát triển khu công nghiệp. Quy hoạch phát triển khu công nghiệp phải gắn với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương, vùng lãnh thổ và quy hoạch phát triển ngành công nghiệp. Quy hoạch xây dựng phải đồng bộ giữa hạ tầng trong và ngoài khu công nghiệp.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư phát triển khu công nghiệp. Xây dựng chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn, có tính cạnh tranh quốc tế với những nội dung quan trọng là: Về ưu đãi đầu tư, dành ưu đãi đầu tư vượt trội cho với các mô hình khu công nghiệp công nghệ cao, chế độ ưu đãi đầu tư đặc biệt cho các nhà đầu tư chiến lược.

Thứ ba, đa dạng hoá nguồn vốn và tăng cường đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng khu công

nghiệp. Hình thức hợp tác công tư trong xây dựng hạ tầng khu công nghiệp cần được phát huy tối đa.

Thứ tư, tăng cường xúc tiến đầu tư vào khu công nghiệp. Tập trung công tác nghiên cứu thị trường và các đối tác đầu tư. Nâng cao chất lượng quy hoạch và danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư trong và ngoài nước làm cơ sở cho việc xây dựng và thực hiện chương trình vận động đầu tư vào các khu công nghiệp. Đổi mới và đa dạng hoá các phương thức tổ chức xúc tiến đầu tư.

Thứ năm, Tăng cường đầu tư phát triển nguồn nhân lực. Trước tiên các địa phương cần xác định lại mục tiêu đào tạo lao động dựa trên nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp ở hiện tại và trong tương lai. Sau đó các địa phương đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở đào tạo, đổi mới hệ thống giáo trình, giáo án theo xu hướng cập nhật trình độ tiên tiến, hiện đại của các nước phát triển và đa dạng hoá hình thức đào tạo. Cuối cùng là đầu tư nâng cao trình độ của đội ngũ giáo viên.

### Tài liệu tham khảo

- Black, P. (1998), *Testing: Friend or Foe? Theory and Practice of Assessment and Testing*, Falmer Press, London.
- Hollander, R., Chunyou, W. & Duan, N. (2009), *Sustainable Development of Industrial Parks*, Logos Verlag Berlin GmbH, Germany.
- Lin, C.L. & Tzeng, G H. (2009), 'A Value – Created System of Science (technology) Park by Using DEMATEL', *Expert Systems with Applications*, 36(6), 9683-9697.
- Marshall, A. (1890), *Principles of Economics*, Palgrave Macmillan, London.
- Nguyễn Minh Hà & Nguyễn Duy Khương (2015), 'Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang', *Tạp chí khoa học Trường Đại Học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 1(40), 3-16.
- Sonobe, T. & Otsuka, K. (2011), *Cluster – Based Industrial Development. A Comparative Study of Asia and Africa*, Palgrave Macmillan UK.
- Vũ Đình Khoa (2015), 'Các nhân tố hình thành cụm ngành công nghiệp điện tử- Nghiên cứu điển hình tại vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ', Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- Weber, A. (1909), *Theory of the Location of Industries*, CSISS Classics.
- Zhang, X. (2016), 'Building Effective Clusters and Industrial Parks', *International Food Policy Research Institute (IFPRI) Discussion Paper 1590*, International Food Policy Research Institute (IFPRI).